

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh “Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

Xét Văn bản số 144/YDBMT đề ngày 26 tháng 11 năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, quy mô 200 giường bệnh” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 354/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2022; Công văn số 92/STNMT-MT ngày 10 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, địa chỉ tại số 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, quy mô 200 giường bệnh” tại số 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, quy mô 200 giường bệnh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, thành phố Buôn Ma

Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy phép số 318/BYT-GPHĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

1.4. Mã số thuế Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột: 6001444432 - 001

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích của dự án là 21.300 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế: 200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Giấy phép này thay thế Giấy phép môi trường số 67/GPMT-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh.

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 70/GP-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
(Đ/c: Số 298 Hà Huy Tập, p Tân an, tp BMT);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 05b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-UBND ngày tháng 5 năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- 1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- 1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, nhà tắm, căng tin ...
- 1.3. Nguồn số 03: Nước thải y tế.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước mưa chung của thành phố Buôn Ma Thuột trên tuyến đường vào Trường Đại học Luật Hà Nội (Phân hiệu tại Đắk Lắk).

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 270 m³/ngày đêm.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 270 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm, tự chảy.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (sau bồn lọc áp lực) theo ống PVC D60 mm (chiều dài 32 m) dẫn vào hố ga thu nước mưa → Hệ thống thoát nước mưa của Bệnh viện (cống bê tông cốt thép D600 mm, dài 20 m) → Hố ga thu nước mưa → theo cao độ tự chảy vào ống cống (bằng bê tông cốt thép, D800 mm) đặt ngầm dọc hàng rào của Trường Cao đẳng Bách Khoa Tây Nguyên (dài khoảng 190 m) → Hệ thống thoát nước mưa chung của thành phố Buôn Ma Thuột (Tại hố thu nước mưa GT8 nằm trên vỉa hè trước Trường Đại học Luật Hà Nội - Phân hiệu tại Đắk Lắk).

- Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (Cột A, hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	60		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (bồn cầu) được thu gom theo đường ống PVC D60 mm → Đường ống PVC D114 mm → Đường ống PVC D168 mm → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố thu → Đường ống PVC D168 mm → Đường ống PVC D200 mm → Bể thu gom 1 của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt khác (Phát sinh từ bồn rửa tay, nhà tắm, căng tin ...) → song chắn rác → theo đường ống PVC D49 mm → Đường ống PVC D60 mm → Đường ống PVC D90 mm → Đường ống PVC D114 mm → Hố thu → Đường ống PVC D168 mm → Đường ống PVC D200 mm → Bể thu gom 1 của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 3: Nước thải y tế → Bể thu gom 2 → bể chứa → bể phản

ứng Peroxone (để xử lý sơ bộ nước thải) → chuyển vào bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 04 bể tự hoại, dung tích 32 m³/bể.

1.2.2. Hồ thu:

- Thu gom nước thải sau bể tự hoại.

- Dung tích thiết kế: Gồm 04 hồ thu, dung tích 0,64 m³/hồ.

1.2.3. Bể chứa:

- Chứa nước thải y tế sau bể thu gom 2.

- Dung tích thiết kế: 39,8 m³ (Kích thước bể: 3,7m x 2,5m x 4,3m).

1.2.4. Bể phản ứng Peroxone:

- Nước thải y tế được xử lý sơ bộ bằng quá trình oxy hóa nâng cao: Thực hiện quá trình kiểm soát pH tự động và liên tục (bằng dung dịch NaOH), đồng thời sẽ tiến hành châm tổ hợp hóa chất oxy già (H₂O₂) và Ozone (O₃) → Nước thải có tính chất dễ phân hủy sinh học.

- Dung tích thiết kế: 21,5 m³ (Kích thước bể: 2,5m x 2m x 4,3m).

1.2.5. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (đã qua xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học MBBR → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian kết hợp khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hồ ga thu nước mưa (Nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với K = 1,2) → Hệ thống thoát nước mưa của Bệnh viện → Hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma thuật.

- Công suất thiết kế: 270 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂O₂, O₃, mật rỉ, chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: Hệ thống thu gom nước thải bị tắc nghẽn; chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu; sự cố hỏng máy móc, thiết bị.

- Xây dựng bể sự cố gần kề với hệ thống xử lý nước thải (Dung tích thiết kế 424,8 m³; chia thành 04 ngăn; kết cấu bê tông cốt thép, quét chống thấm).

Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sau bồn lọc áp lực được bơm về bể sự cố để lưu chứa tạm thời; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải trong bể sự cố sẽ được bơm ngược trở về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Thường xuyên theo dõi, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, thiết bị, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý; lập quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Bố trí 01 nhân viên chuyên trách theo dõi, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án đã thực hiện vận hành thử nghiệm theo Công văn số 3847/STNMT-MT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm tại Bệnh viện Đại học Buôn Ma Thuột và quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin về quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu nước thải xả vào nguồn tiếp nhận chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Hoạt động của các thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

Khu vực xử lý nước thải của Dự án.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn/lỏng	30.650
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm		Rắn/lỏng	455
2.1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/lỏng	430
2.2	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	13 03 02	Rắn	25
3	Chất thải nguy hại khác			120
3.1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	20
3.2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Rắn/lỏng	30
3.3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	30
3.4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải	16 01 13	Rắn	10
3.5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau thải, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	10
3.6	Hộp mực in, hộp chứa mực in thải	08 02 08	Rắn	20
	Tổng			31.225

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: khoảng 10-15 kg/ngày, bao gồm: Bìa carton; giấy các loại; vỏ giấy các loại hộp đựng thuốc; vỏ chai nhựa PP, PE; vỏ chai bằng thủy tinh, vật liệu kim loại khác.

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng tái chế: khoảng 300 - 350 kg/ngày, bao gồm: chất thải có nguồn gốc hữu cơ (vỏ trái cây, thực phẩm thừa ...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải lây nhiễm: Thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn vào hộp kháng thùng màu vàng; chất thải giải phẫu vào túi nhựa màu vàng đặt trong thùng nhựa có nắp đậy màu vàng (loại dung tích 20 lít); chất thải lây nhiễm trạng thái lỏng lưu trong thùng nhựa màu vàng (loại dung tích 20 lít).

- Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm: Thu gom chất thải dạng rắn vào các túi nhựa màu đen đặt trong thùng nhựa (loại dung tích 20 lít); thu gom chất thải dạng lỏng vào thùng nhựa màu đen có nắp đậy (loại dung tích 20 lít).

- Các loại chất thải được chuyển về nhà lưu chứa tạm thời chất thải bằng thùng nhựa (màu vàng và màu đen, loại dung tích 240 lít, có bánh xe) với tần xuất tối thiểu là 02 lần/ngày.

2.1.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải:

- Xây dựng nhà lưu chứa chất thải của Bệnh viện có diện tích là 82,25 m² (Kích thước: 5 m x 16,45 m); được chia thành 05 buồng chứa riêng biệt. Trong đó, bố trí 03 buồng để lưu chứa chất thải y tế nguy hại, gồm có:

+ 01 buồng lưu chứa chất thải lây nhiễm: Diện tích 16,45 m²; có bố trí 20 thùng nhựa màu vàng loại dung tích 240 lít.

+ 01 buồng chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: Diện tích 16,45 m²; có bố trí các thùng nhựa màu đen, có nắp đậy (Gồm: 10 thùng loại dung tích 240 lít và 02 thùng loại dung tích 60 lít).

+ 01 buồng lưu chứa chất thải nguy hại khác: Diện tích 16,075 m²; có bố trí có bố trí các thùng nhựa màu đen, có nắp đậy (Gồm: 10 thùng loại dung tích 240 lít và 01 thùng nhựa 60 lít).

- Kết cấu nhà lưu chứa chất thải: Xây tường gạch bao quanh, nền bê tông, có mái che. Có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định; có lắp bảng hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại và phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp, nội quy khu vực lưu chứa tạm thời chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn thông thường được thu gom và phân loại theo quy định.

- Chất thải sử dụng tái chế được thu gom vào thùng chứa màu trắng; chất thải không sử dụng tái chế được gom vào thùng chứa màu xanh. Các thùng chứa có dung tích 20 lít, có ghi rõ loại chất thải thu gom.

2.2.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải:

- Xây dựng nhà lưu chứa chất thải của Bệnh viện có diện tích là 82,25m² (Kích thước: 5 m x 16,45 m); được chia thành 05 buồng chứa riêng biệt. Trong đó, bố trí 02 buồng để lưu chứa chất thải rắn thông thường, gồm có:

+ 01 buồng chứa chất thải rắn thông thường sử dụng tái chế: Diện tích 16,45 m²; có bố trí 25 thùng nhựa màu trắng loại dung tích 240 lít.

+ 01 buồng chứa chất thải rắn thông thường không sử dụng tái chế: Diện tích 16,825 m²; có bố trí các thùng màu xanh để lưu chứa chất thải (Gồm: 13 thùng loại dung tích 240 lít và 03 thùng loại dung tích 660 lít).

- Trên các thiết bị lưu chứa chất thải rắn thông thường đều có ghi rõ tên từng loại chất thải.

3. Công tác xử lý, tái sử dụng chất thải:

- Ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

+ Hợp đồng với Bệnh viện lao và bệnh phổi để thu gom, xử lý chất thải y tế lây nhiễm đối với các chất thải thuộc danh mục chất thải rắn y tế lây nhiễm được phép xử lý theo mô hình cụm; tuân thủ quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng (Có giấy phép xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp) để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại không lây nhiễm theo đúng quy định pháp luật.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển chất thải sử dụng tái chế theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị hoạt động dịch vụ về môi trường của địa phương để thu gom, vận chuyển chất thải không sử dụng tái chế theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành như: cháy nổ, rò rỉ hóa chất, tác động do bức xạ và sự cố hệ thống xử lý nước thải.

2. Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải y tế nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Khuyến khích việc khử khuẩn chất thải y tế lây nhiễm để loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi xử lý tập trung. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn an toàn thực phẩm, an toàn điện, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.